

Sở tay hướng dẫn về chế độ bảo hộ cuộc sống



Nếu bạn gặp khó khăn trong cuộc sống, hãy liên hệ với chúng tôi bất cứ lúc nào

Văn phòng Phúc lợi thành phố Ayase
(Phụ trách về bảo hộ - Phòng Tổng hợp Phúc lợi – UBND thành phố Ayase)

Điện thoại đại diện: 0467-70-5682 (Tổng đài phiên dịch ngoại ngữ thành phố Ayase)

Điện thoại trực tiếp: 0467-70-5614 (tiếng Nhật)

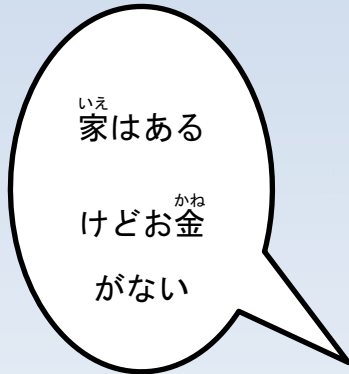
せい いかつ ほ ご
生活保護のしおり



しごと み
仕事が見
つからな
い



いえ
家が
ない



いえ
家はある
けどお金
がない



びょうき はたら
病気で働
けない

せい いかつ こま かた そうだん
生活にお困りの方はいつでもご相談ください

あやせしふくしじむしょ
綾瀬市福祉事務所

あやせしやくしょ ふくしそうむか ほごたんとう
(綾瀬市役所 福祉総務課 保護担当)

だいひょうでんわ
☎ 代表電話 0467-70-5682 (綾瀬市外国語通訳コールセンター)

ちよくつうでんわ
☎ 直通電話 0467-70-5614 (日本語)

Đăng ký chế độ bảo hộ cuộc sống là quyền lợi của công dân.

[Những việc thường hay bị hiểu sai về đăng ký chế độ bảo hộ cuộc sống]

- Mặc dù sự nuôi dưỡng của người có nghĩa vụ nuôi dưỡng được ưu tiên hơn chế độ bảo hộ cuộc sống, tuy nhiên, ví dụ, không có việc là nếu không trao đổi với người thân đang không cùng sống với bạn thì không thể đăng ký chế độ bảo hộ cuộc sống.
- Ngay cả người vô gia cư cũng có thể đăng ký bảo hộ cuộc sống. Ngoài ra, việc đồng ý vào sống tại cơ sở không có trong điều kiện về đăng ký hưởng chế độ bảo hộ.
- Ngay cả người có nhà cũng có thể đăng ký chế độ bảo hộ cuộc sống. Điều kiện cần là tận dụng hiệu quả tài sản có thể sử dụng được, tuy nhiên đối với nhà sở hữu dùng để ở thì có trường hợp cần được chấp nhận về sự sở hữu.
- Bạn có thể đăng ký kể cả khi bạn không có đủ hồ sơ cần thiết. Vui lòng liên hệ Văn phòng Phúc lợi để được tư vấn.

Ngoài ra, ngày 8/5/2023, bệnh truyền nhiễm do virus Corona chủng mới đã được xếp vào loại 5 theo Luật về bệnh truyền nhiễm, do đó thông báo về việc áp dụng linh hoạt chế độ bảo hộ cuộc sống do bệnh truyền nhiễm do virus Corona chủng mới đã bị bãi bỏ một phần. Tuy nhiên, vui lòng tiếp tục liên hệ với chúng tôi để được tư vấn nếu bạn gặp khó khăn trong cuộc sống do bệnh truyền nhiễm từ virus Corona chủng mới.

せいかつ ほ ご しんせい 生活保護の申請は こくみん けんり 国民の権利です

せいかつ ほ ご しんせい ごかい 【生活保護の申請について、よくある誤解】

- ・ 扶養義務者の扶養は保護に優先しますが、例えば、同居していない親族に相談してからでないと申請できない、ということはありません。
- ・ 住むところがない人でも申請できます。また、施設に入ることにご同意することが申請の条件ということはありません。
- ・ 持ち家がある人でも申請できます。利用する資産を活用することは保護の要件ですが、居住用の持ち家については、保有が認められる場合があります。
- ・ 必要な書類が揃ってなくても申請は出来ます。福祉事務所へご相談ください。

なお、令和5年5月8日に新型コロナウイルス感染症が感染症法上の5類に位置づけられたことから、新型コロナウイルス感染症に伴う生活保護の弾力的運用に関する通知が一部廃止となりましたが、新型コロナウイルス感染症に伴い生活がお困りな方も引き続きご相談ください。

Chế độ bảo hộ cuộc sống là mạng lưới an toàn cuối cùng khi bạn gặp khó khăn trong cuộc sống.

Bất cứ ai cũng có thể hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống dựa trên những điều kiện cần thiết nhất định được quy định tại Luật Bảo hộ cuộc sống.

Dựa trên điều 25 của Hiến pháp, Chính phủ đặt mục tiêu là đảm bảo cuộc sống lành mạnh và có văn hóa tối thiểu, hỗ trợ công dân tự lập.

MỤC LỤC

1. Để sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống	2
2. Phí bảo hộ được chi trả và chủng loại	5
3. Những điều phải tuân thủ trong khi sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống	7
4. Trường hợp cần thông báo	10
5. Cách sử dụng bệnh viện	11
6. Về việc hoàn trả phí bảo hộ cuộc sống	13
7. Những điều nên đặc biệt chú ý trong khi đang sử dụng chế độ	14
8. Ngày chi trả phí bảo hộ cuộc sống	15
9. Về các thủ tục khi đang sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống	15
10. Hỏi và đáp về chế độ bảo hộ cuộc sống	17

せいかつ ほご せいかつ こま さい
生活保護とは、生活に困ってしまった際の

さいご
最後のセーフティネットです。

せいかつ ほご ほう さだ いったい ようけん
生活保護法に定める一定の要件のもとに、

ほご う
どなたでも保護を受けることができます。

けんぽう じょう もと
憲法25条に基づき、

くに けんこう ぶんかてき さいていげんど せいかつ ほしょう
国が健康で文化的な最低限度の生活を保障し、

じりつ たす もくてき
自立を助けることを目的としています。

もく じ 目 次

1. 生活保護制度を利用するには・・・・・・・・・・・・・・・・・・ 2
2. 支給される保護費と種類・・・・・・・・・・・・・・・・・・ 5
3. 制度利用中に守らなければならないこと・・・・・・・・・・ 7
4. こんなときは届け出を・・・・・・・・・・・・・・・・・・ 10
5. 病院のかかり方・・・・・・・・・・・・・・・・・・ 11
6. 保護費の返還について・・・・・・・・・・・・・・・・・・ 13
7. 制度利用中特に注意すべきこと・・・・・・・・・・・・・・・・ 14
8. 保護費の支給日について・・・・・・・・・・・・・・・・・・ 15
9. 制度利用中の手続きについて・・・・・・・・・・・・・・・・ 15
10. 生活保護にかかわるQ&A・・・・・・・・・・・・・・・・・・ 16

1. Để sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống

Vì nhiều lý do như bệnh tật, bỏ việc, ly hôn, thất nghiệp, v.v... có khi bạn trở nên không thể tự lập trong cuộc sống.

Khi đó, vui lòng liên hệ với Văn phòng Phúc lợi để được tư vấn. Chúng tôi sẽ hợp tác không chỉ với việc sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống, mà còn giải quyết các vấn đề xung quanh đó.



Quy trình đến lúc sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống

① Tư vấn

Liên hệ tại quầy tiếp nhận của Văn phòng Phúc lợi địa phương nơi bạn ở để được tư vấn và giải thích về chế độ bảo hộ cuộc sống.

Chi tiết ở
trang 3 →

② Đăng ký

Người có nguyện vọng đăng ký chế độ bảo hộ cuộc sống nộp các hồ sơ đăng ký ví dụ như “Đơn đăng ký chế độ bảo hộ cuộc sống” v.v

Chi tiết ở
trang 3 →

③ Điều tra và Thẩm tra

Để thẩm tra xem bạn có được hưởng chế độ hay không, người phụ trách sẽ tiến hành điều tra tình trạng cuộc sống và tình hình tài sản v.v của bạn.

Chi tiết ở trang
3 và 4 →

④ Bắt đầu và Sử dụng

Sau khi có quyết định hưởng chế độ bảo hộ, phí bảo hộ cuộc sống sẽ được thanh toán, và sự hỗ trợ cho việc tự lập bởi cán bộ xã hội chuyên trách và sự hỗ trợ hướng tới việc tự lập bởi cán bộ xã hội chuyên trách sẽ bắt đầu.

Chi tiết ở
trang 4 →

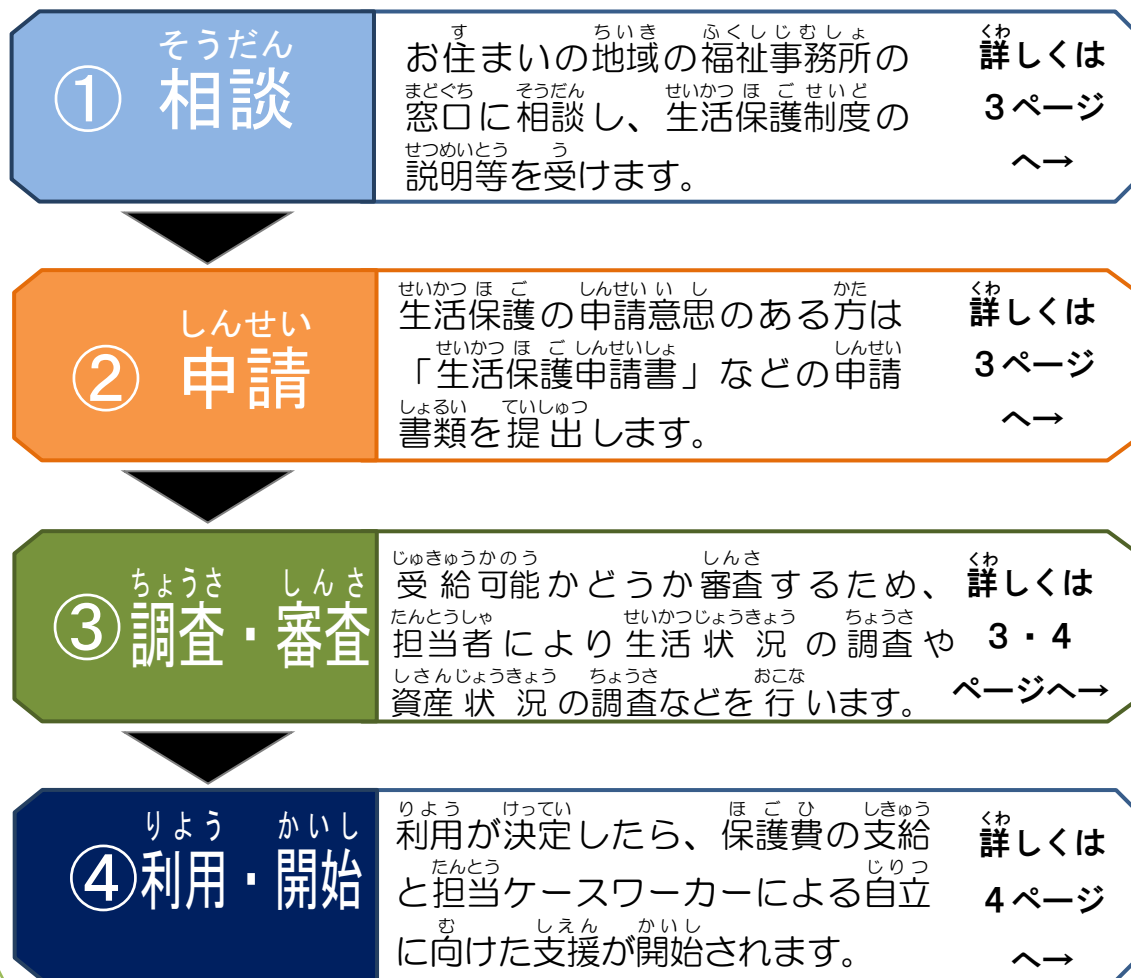
1 生活保護制度を利用するには

病気・離職・離婚・失業など、さまざまな理由で、生活が成り立たなくなってしまうことがあります。

そんな時には福祉事務所にご相談ください。生活保護制度の利用だけでなく、その方々の問題解消のため、協力いたします。



生活保護制度利用までの流れ



① Tư vấn

Khi bạn gặp khó khăn trong cuộc sống...

Nếu bạn gặp khó khăn trong cuộc sống và muốn sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống, hãy liên hệ với Văn phòng Phúc lợi để được tư vấn. Vui lòng trao đổi với chúng tôi về các vấn đề khó khăn của bạn (tình hình cuộc sống, tình trạng tài sản, tình trạng giao lưu với người thân, v.v.)

Trong quá trình tư vấn, chúng tôi cũng có thể hướng dẫn bạn về chế độ bảo hộ cuộc sống và các chế độ khác mà bạn có thể sử dụng.



② Đăng ký

Bất kỳ ai cũng có thể đăng ký nếu có mong muốn



Để sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống, bạn cần phải đăng ký theo nguyện vọng của chính bản thân mình. Bạn sẽ được yêu cầu nộp hồ sơ như là “Đơn đăng ký bắt đầu chế độ bảo hộ cuộc sống” và các hồ sơ khác có thể xác nhận tình trạng tài sản của bạn cho Văn phòng Phúc lợi.

Nếu bạn không thể tự đăng ký vì một số lý do nào đó thì người thân, v.v... của bạn cũng có thể đăng ký thay bạn.

※Khi tình hình rõ ràng là khẩn cấp, cũng có trường hợp Văn phòng Phúc lợi có thể cho bắt đầu chế độ bảo hộ cuộc sống bằng quyết định của mình (phán đoán của người phụ trách).
※Do các thành viên băng đảng bạo lực không đáp ứng điều kiện cần để sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống nên họ sẽ không thể sử dụng chế độ hỗ trợ.

③ Điều tra và Thăm tra

Về các nội dung điều tra và chế độ

Sau khi hoàn tất đăng ký, Văn phòng Phúc lợi sẽ tiến hành các cuộc điều tra cần thiết và thăm tra xem bạn có thể sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống hay không (Theo nguyên tắc, quyết định được đưa ra trong vòng 14 ngày, nếu cuộc điều tra mất thời gian do tình huống đặc biệt thì quyết định sẽ được đưa ra trong vòng 30 ngày).

Bất cứ ai cũng có thể hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống nếu đáp ứng các điều kiện cần nhất định được quy định trong Luật Bảo hộ cuộc sống, như được trình bày tại trang tiếp theo, mọi thứ có thể sử dụng, chẳng hạn như tài sản, năng lực và các chế độ khác v.v sẽ được tận dụng.

① 相談

生活にお困りになったら・・・

生活に困っている、生活保護を利用したいと思ったら、福祉事務所に相談しましょう。お困りの内容（生活状況・資産状況・ご親族との交流状況など）をご相談ください。
相談の中で、生活保護の制度やその他活用可能な制度のご案内も行うことができます。



② 申請

意思があればどなたでも申請可能

保護開始申請書



生活保護の利用には、本人の意思で申請することが必要です。福祉事務所へ「保護開始申請書」やその他資産状況を確認できる書類などを提出していただきます。

何らかの事情で本人が申請できないときは、親族などが代理で申請することもできます。

※ 明らかに急迫した状況にあるときは、福祉事務所が職権（職員の判断）で生活保護の利用を開始する場合があります。

※ 暴力団員は保護の要件を満たさないため、生活保護は利用できません。

③ 調査・審査

調査内容と制度について

申請が終わると、福祉事務所が必要な調査を行い、生活保護の利用が可能かどうか審査を行います（原則14日以内に決定・特別な事情で調査に時間を要する場合は30日以内）。

生活保護法に定める一定の要件のもとに、どなたでも受けることができますが、次ページのように資産・能力・その他の制度など、利用できるものはすべて活用することになっています。

1 Tận dụng tài sản

Hãy tận dụng các tài sản mà bạn đang nắm giữ (tiền tiết kiệm, chứng khoán có giá trị, bảo hiểm nhân thọ, kim loại quý, đất đai, nhà cửa, ô tô v.v) hoặc thanh lý để trang trải sinh hoạt phí.

※Tùy trường hợp bạn có thể được cho phép nắm giữ tài sản, vì vậy vui lòng tham khảo ý kiến cán bộ phụ trách.



2 Tận dụng năng lực



Những người có khả năng làm việc cần làm việc tương ứng với năng lực của mình. Hãy tích cực hoạt động tìm kiếm công việc, và nếu bạn không thể làm việc vì bị bệnh, v.v...hãy chuyên tâm điều trị bồi bổ sức khỏe và nỗ lực hướng tới việc tự lập.

3 Tận dụng chế độ khác

Nếu có bất kỳ hỗ trợ nào có thể được hưởng theo các luật hoặc chế độ khác như hưu trí và trợ cấp, hỗ trợ chi phí y tế, chế độ an sinh xã hội, v.v... thì hãy ưu tiên nhận các hỗ trợ đó.

4 Hỗ trợ từ người có nghĩa vụ nuôi dưỡng (không phải là điều kiện cần)

Nếu đã đăng ký chế độ bảo hộ cuộc sống, sẽ có trường hợp chúng tôi đối chiếu xác nhận với người thân của bạn để quyết định có thể hỗ trợ hay không.

Ngoài ra, nếu có trường hợp đặc biệt như DV (bạo lực gia đình) hay ngược đãi, mất liên lạc hơn 10 năm, v.v...**chúng tôi sẽ không đối chiếu xác nhận với người thân của bạn.**



④ Bắt đầu sử dụng

Hướng tới tự lập

Sau khi việc điều tra và thẩm tra hoàn tất và có quyết định hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống, phí bảo hộ cuộc sống sẽ được bắt đầu chi trả. Phí bảo hộ cuộc sống được chi trả hàng tháng và cán bộ xã hội chuyên trách sẽ tiến hành điều tra thăm hỏi định kỳ...

Ngoài ra, việc hỗ trợ hoạt động hướng tới tự lập dành cho người đăng ký sử dụng chế độ cũng là vai trò của cán bộ xã hội chuyên trách. Chúng tôi hướng đến sự **độc lập kinh tế** bằng việc làm, **độc lập trong đời sống xã hội** để có một cuộc sống trọn vẹn như một thành viên của xã hội địa phương, **độc lập trong cuộc sống hàng ngày** thông qua tự quản lý sức khỏe và cuộc sống của chính mình...



1 資産の活用

保有している資産（預貯金・有価証券・生命保険・貴金属・土地・家屋・自動車など）は、活用したり処分

したりして、生活費にあててください。

※事情により保有が認められる場合がありますので、担当者へ相談してください。



2 能力の活用



働ける人は、自分の能力に応じて働く必要があります。求職活動を積極的に行い、病気等で働けない方は療養に専念し、自立に向けた努力をしてください。

3 ほかの制度の活用

年金や手当、医療費助成、社会保障制度など、他の法律や制度で受けられる援助がある場合は、それらを優先して受けてください。

4 扶養義務者からの援助(要件ではありません)

生活保護の申請があった場合は援助の可否について親族に対し照会を行う場合があります。

なお、DV（ドメスティック・バイオレンス）や虐待、10年以上音信不通など特別な事情がある場合は、親族への照会を行いません。



④ 利用開始

自立へ向けて

調査・審査が終わり、生活保護制度の利用が決定すると、保護費の支給が始まります。保護費の支給は毎月行われ、定期的に担当ケースワーカーによる訪問調査などが行われます。

また、制度利用者の方の自立へ向けた活動を後押しすることも、担当ケースワーカーの役割です。就労による経済的自立、地域社会の一員として充実した生活を送る社会生活自立、自身の健康・生活管理などを行う日常生活自立を目指します。



2. Phí bảo hộ được chi trả và chủng loại

Nếu thu nhập dưới mức tiêu chuẩn thì bạn sẽ được chi trả

Sinh hoạt phí tối thiểu	
Số tiền tiêu chuẩn cho sinh hoạt, nhà ở, chi phí giáo dục v.v (bao gồm hỗ trợ 1 lần và bổ sung)	
Thu nhập của hộ gia đình	Phí bảo hộ cuộc sống được cấp
Tổng thu nhập - (chi phí cần thiết và khoản khấu trừ lao động)	

Tùy thuộc vào khu vực nơi bạn sống và tình hình hộ gia đình, bằng cách so sánh giữa **sinh hoạt phí** do chính phủ quy định (tổng số chi phí cần thiết cho cuộc sống) và **mức tổng thu nhập** (thu nhập từ việc làm công ăn lương, lương hưu, trợ cấp, tiền chu cấp...), số tiền còn thiếu sẽ được chi trả như phí bảo hộ cuộc sống.

● Giới thiệu về việc chứng nhận thu nhập



Thu nhập từ việc làm công ăn lương, lương hưu và trợ cấp, thu nhập từ tận dụng tài sản, tiền chu cấp, v.v... được xác nhận là thu nhập sau khi trừ đi các chi phí cần thiết để có được các khoản thu nhập này. Ngoài ra, thu nhập từ việc làm công ăn lương sau khi trừ đi **① các chi phí cần thiết** và **② khoản khấu trừ lao động** sẽ thành số tiền thu nhập được chứng nhận.

① Các chi phí cần thiết	Là các khoản chi phí cần thiết như bảo hiểm xã hội, thuế thu nhập, phí công đoàn, chi phí đi lại, v.v... được khấu trừ vào thu nhập từ việc làm. Ngoài ra, còn có các chi phí cần thiết cho nông nghiệp, tự doanh, v.v...	
② Khoản khấu trừ lao động	Khấu trừ cơ bản	Số tiền được khấu trừ được xác định bởi số tiền thu nhập. Số tiền thu nhập càng cao thì số tiền được khấu trừ càng nhiều theo quy định. Xem trang 19 để biết thêm chi tiết.
	Khấu trừ lao động đối với người mới đi làm	Trường hợp một người đã tốt nghiệp ra trường tìm được việc làm liên tục, hoặc người không làm việc từ ba năm trở lên do nhập viện hoặc các trường hợp bất khả kháng khác tìm được việc làm liên tục, thì sẽ chỉ được khấu trừ trong 6 tháng.
	Khấu trừ đối với người dưới 20 tuổi	Người dưới 20 tuổi sẽ được khấu trừ cho đến khi tròn 20 tuổi. Tuy nhiên không được áp dụng cho người làm việc và sinh sống đơn độc, v.v.
	Các khoản khấu trừ khác	Số tiền tối thiểu được khấu trừ đối với các khoản thật sự cần thiết không thể tránh khỏi như phí gửi con, phí bảo hiểm tự nguyện để nhận được quyền thụ hưởng lương hưu quốc dân, và các khoản hoàn trả khoản vay theo quy định pháp luật và chính sách khác, v.v

2 支給される保護費と種類

しゅうにゅう きじゆん したまわ ばあい しきゅう
収入が基準を下回る場合に支給されます

さい てい せい かつ ひ 最低生活費	
せい かつ しゅうたく きょういくひとうきじゆんがく かさん いちじふじよ ふく 生活・住宅・教育費等基準額（加算・一時扶助を含む）	
せたい しゅうにゅう 世帯の収入	しきゅう 支給される
そうしゅうにゅう - ひつようけいひ きんろうこうじよ 総収入 - （必要経費・勤労控除）	せい かつ ほ ご ひ 生活保護費

す ちいき せたい じょうきょう おう くに さだ せい かつ ひ せい かつ ひつよう ひよう
お住まいの地域や世帯の状況に応じて、国が定めた生活費（生活に必要な費用の
ごうけいがく しゅうにゅうがく しゅうろうしゅうにゅう ねんきん てあて しおく た
合計額）と収入額（就労収入・年金・手当・仕送りなど）をくらべて、足りな
い部分を生活保護費として支給します。

● 収入の認定について



はたら え しゅうにゅう ねんきん てあて しきんかつよう
働いて得た収入、年金や手当、資産活用による
しゅうにゅう しおく とう しゅうにゅう え
収入、仕送り等については、これらの収入を得るため
ひつよう けいひ さ ひ しゅうにゅうにんていがく
に必要な経費を差し引いて収入認定額とします。また、
はたら え しゅうにゅう ひつようけいひ きんろうこうじよ
働いて得た収入については、①必要経費・②勤労控除
さ ひ しゅうにゅうにんていがく
を差し引いたものを収入認定額とします。

① 必要経費

しゅうろうしゅうにゅう てんひ しゃかいほけんりょう しょとくぜい ろうどう
就労収入から天引きされている、社会保険料・所得税・労働
くみあいひ こうつうひ ひつようけいひ
組合費・交通費などが必要経費です。
なお、のうぎょう じえいぎょうとう いとな ひつよう けいひ
農業・自営業等を営むために必要な経費などもあります。

② 勤労控除

きそ 基礎 控除	しゅうにゅうきんがく こうじよがく き しゅうにゅうがく おお 収入金額により控除額が決まっています。収入額が多くなれば、控除額も多くなるように決められています。詳しくはP19ページへ
しんきしゅうろう 新規就労 控除	がっこう そつぎょう かた けいぞくせい しよくぎょう ばあい にゅういん た 学校を卒業した方が継続性のある職業についての場合、入院その他 やむを得ない事情のために3年以上就労しなかった方が継続性のある え じじょう ねんいじょうしゅうろう かた けいぞくせい 職業についての場合、6か月間に限り控除します。
20さい 20歳 未満控除	さいみまん もの さい たつ かんこうじよ 20歳未満の者について、20歳に達するまでの間控除します。 ただし、たんしんしや ばあい てきよう ただし、単身者などの場合は適用されません。
た その他の 控除	たくじひ こくみんねんきん じゆきゅうけん え ひつよう にんいほけんりょう たほう 託児費、国民年金の受給権を得るために必要な任意保険料、他法・ たせさく かじつけん しょうかんきん しん ひつよう え 他施策などによる貸付金の償還金などで、真に必要なやむを得ないもの かぎ さいしやうげんと がく こうじよ に限り、最小限度の額を控除します。

Được cấp tương ứng với các khoản chi phí cần thiết cho cuộc sống



Tùy thuộc vào hộ gia đình, những khoản sau đây có thể được cấp bổ sung:

◆Hỗ trợ một lần chính (có điều kiện cần để được cấp)

Chi phí trang phục	: Chân nệm, quần áo, tã lót, v.v...
Tiền chuẩn bị nhập học	: Tiền chuẩn bị nhập học vào trường tiểu và trung học
Chi phí mua nội thất đồ đạc	: Nội thất, dụng cụ nấu ăn, bát đĩa v.v
Chi phí đến bệnh viện	: Chi phí đi lại khi đến bệnh viện
Hỗ trợ một lần cuối kỳ	: Tiền trợ cấp một lần đón năm mới
Chi phí chuyển chỗ ở	: Tiền đặt cọc, chi phí vận chuyển
Phí gia hạn hợp đồng	: Phí gia hạn hợp đồng thuê nhà

◆Khoản bổ sung chính









Bổ sung kỳ mùa đông	: tháng 11~ tháng 3 hàng năm
Bổ sung cho hộ đơn thân	: Hộ gia đình mẹ con, cha con đơn thân
Bổ sung cho người tàn tật	: Người bị tàn tật nghiêm trọng
Bổ sung nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em	: Người đang nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em



Trợ cấp làm việc tự lập	: Khoản trợ cấp khi chế độ bảo hộ cuộc sống bị bãi bỏ do đi làm
Trợ cấp chuẩn bị học lên	: Khoản trợ cấp trong trường hợp con cái của thành viên gia đình học lên cao
Phí hỗ trợ học tập	: Phí sinh hoạt câu lạc bộ ở trường cấp 1, 2, 3



生活する上で必要な費用に対応して支給されます

<p>① 生活扶助</p> 	<p>食べるもの、着るもの、 電気、ガス、水道など 日常生活に必要な費用</p>	<p>② 住宅扶助</p>  <p>家賃、地代等に必要な費用</p>
<p>③ 教育扶助</p>  <p>学用品・クラブ活動・給食費など、 義務教育を受けるのに必要な費用</p>	<p>④ 医療扶助</p>  <p>けがや病気の治療に必要な費用 (原則病院等に直接支払います)</p>	
<p>⑤ 介護扶助</p>  <p>介護を受けるために必要な費用</p>	<p>⑥ 出産扶助</p>  <p>出産に必要な費用</p>	
<p>⑦ 生業扶助</p> <p>高等学校等の就学に必要な費用や 就労に必要な技能や資格習得にかかる費用</p> 		
<p>⑧ 葬祭扶助</p> <p>葬祭に必要な費用 (複数人世帯又は生活困窮状態にあり、葬祭を行えない場合)</p> 		

世帯によって、次のようなものが加算または支給されます

◆主な一時扶助 (支給要件があります)

- 被服費 : 布団・被服・おむつなど
- 入学準備金 : 小・中学校に入学する際の入学準備金
- 家具什器費 : 家具・炊事用具・食器など
- 通院交通費 : 通院時の交通費
- 期末一時扶助費 : 越年するための一時金
- 転居の費用 : 敷金・運搬費など
- 契約更新料 : 賃貸住宅の契約更新料など
- 就労自立給付金 : 就労により生活保護廃止となった場合の給付
- 進学準備給付金 : 世帯員の子どもが大学等へ進学した場合の給付
- 学習支援費 : 小・中・高校のクラブ活動費など

◆主な加算

- 冬期加算 : 毎年11月～3月
- 母子加算 : 母子・父子世帯など
- 障害者加算 : 重度の身体障害者など
- 児童養育加算 : 児童を養育している者



3. Những điều phải tuân thủ trong khi sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống

<< QUYỀN LỢI của người sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống >>

Người sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống được đảm bảo các quyền lợi sau đây:

- Bất cứ ai đáp ứng điều kiện đều có quyền được hưởng chế độ bảo hộ bình đẳng như nhau.
- Các sự bảo hộ đã được xác định sẽ không bị thay đổi thành bất lợi nếu không có lý do chính đáng.
- Tiền và hàng hóa bảo hộ sẽ không bị đánh thuế hoặc tịch thu.
- Nếu bạn thấy bất mãn với nội dung bảo hộ do Trường Văn phòng Phúc lợi đã quyết định, bạn có thể yêu cầu Thống đốc Tỉnh thẩm tra theo thủ tục quy định.



<< NGHĨA VỤ của người sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống >>

Người sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống cũng có nghĩa vụ cần phải tuân thủ

Nỗ lực để cuộc sống của mình tốt đẹp hơn

Người có thể làm việc hãy nỗ lực làm việc để kiếm thu nhập, người không thể làm việc vì bị bệnh hãy chuyên tâm điều trị y tế và nỗ lực hướng tới việc tự lập. Trong khi đang sử dụng chế độ bảo hộ, hãy nỗ lực duy trì và nâng cao sức khỏe của mình, quản lý sinh kế gia đình một cách có kế hoạch, nỗ lực tạo ra trạng thái cuộc sống lành mạnh và tốt đẹp hơn.

Về công việc, cán bộ hỗ trợ lao động v.v của chúng tôi hỗ trợ hoạt động tìm kiếm việc làm và hỗ trợ chuẩn bị làm việc. Chúng tôi đang hỗ trợ người sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống sớm hướng tới tự lập, vì vậy vui lòng tham khảo ý kiến của người phụ trách nếu bạn có nguyện vọng.



Sử dụng phí bảo hộ cuộc sống đúng mục đích

Tiền thuê nhà, tiền ăn trưa ở trường và phí tài liệu giáo dục, phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng v.v được chi trả theo đúng từng mục đích thanh toán tương ứng và không được sử dụng vào mục đích khác.

Tiền ăn trưa ở trường, phí bảo hiểm chăm sóc điều dưỡng theo nguyên tắc được nộp thay. Ngoài ra, trong trường hợp có khoản tiền thuê nhà chưa thanh toán thì theo nguyên tắc chúng tôi sẽ thực hiện nộp thay. ※Nộp thay: có nghĩa là Văn phòng Phúc lợi thay mặt cho hộ gia đình được bảo hộ nộp tiền.



3 制度利用中に守らなければならないこと

《 生活保護制度を利用する人の権利 》

生活保護制度を利用する方には、次のような権利が保障されています

- 条件を満たせば、誰でも平等に保護を受けることができます。
- 正当な理由なく、すでに決定された保護は、不利益に変更されることはありません。
- 保護金品に対して税金がかけられたり、差し押さえられたりすることはありません。
- 福祉事務所長が決定した保護の内容について不服があるときは、県知事に対して所定の手続きにより審査請求をすることができます。



《 生活保護制度を利用する人の義務 》

生活保護制度を利用する方には、守らなければならない義務もあります

自分の生活をよりよくするための努力をすること

働くことのできる方は働いて収入を得る努力を、病気等で働けない方は療養に専念し、自立に向けた努力をしてください。生活保護制度利用中は、自分の健康保持・増進に努め、計画的に家計をやりくりし、健康でより良い生活状態を作りあげるよう努めましょう。

仕事については、就労支援員などによる就職活動支援・就労準備支援などを行っています。制度利用者の方の早期自立へ向けた支援を行っていますので、希望される方は担当者に相談してください。



生活保護費は目的通りに使用すること

家賃、給食費や教材費、介護保険料などは、それぞれの支払いに充てることを目的として支給していますので、ほかの用途に充てることは認められません。

給食費・介護保険料は原則代理納付です。また、家賃に未納等がある場合は、原則として代理納付を行います。※代理納付…保護世帯に代わって福祉事務所が納付すること



Tuân thủ nghĩa vụ kê khai thu nhập

Khi bạn có thu nhập khác ngoài phí bảo hộ cuộc sống, hoặc dù cho bạn không có bất cứ khoản thu nhập nào, hãy nộp cho Văn phòng Phúc lợi “Tờ kê khai thu nhập có thu nhập)”

Vui lòng đính kèm tài liệu chứng minh thu nhập của bạn.

- Những người được đánh giá là có khả năng làm việc, hoặc đang tiến hành hoạt động tìm việc làm thì theo nguyên tắc phải nộp tờ khai hàng tháng bất kể có thu nhập hay không.
- Ngay cả khi không có thu nhập thì bạn hãy nộp tờ khai ít nhất 1 lần mỗi năm.
※Vui lòng tham khảo trang 10 về các ví dụ cần thiết phải kê khai.



Về thu nhập làm việc bán thời gian của học sinh cấp 3

Học sinh cấp 3 có thu nhập từ làm việc bán thời gian nhất định phải kê khai thu nhập. Người dưới 20 tuổi được áp dụng “Khấu trừ cho người dưới 20 tuổi” và “Khấu trừ cơ bản”, v.v... Ngoài ra đối với trường hợp được chấp thuận trước, các loại phí còn thiếu như học phí tại trường cấp 3 thực, chi phí du lịch ngoại khóa, phí sinh hoạt câu lạc bộ, phí học thêm luyện thi, chi phí để học lên cao, v.v... có thể được loại trừ ra khỏi xác nhận thu nhập. Để biết thêm chi tiết vui lòng liên hệ với người phụ trách.

Tuy nhiên xin lưu ý rằng nếu bạn không kê khai thu nhập và thu nhập của bạn bị phát hiện sau đó, theo nguyên tắc bạn sẽ được yêu cầu hoàn trả toàn bộ số phí bảo hộ tương ứng với phần thu nhập đó.

Nộp thư xác nhận (Về kê khai thu nhập theo Điều 61 Luật Bảo hộ cuộc sống)

Không chỉ chủ hộ mà những người trong độ tuổi có thể lao động (bao gồm cả học sinh cấp 3) sẽ được yêu cầu nộp thư xác nhận có chữ ký sau khi được giải thích về việc “tất cả thu nhập cần phải kê khai” và hiểu đầy đủ nội dung giải thích.

Tiến hành điều tra số tiền thu nhập bởi cán bộ điều tra thuế

Để xác nhận tình hình thu nhập, Văn phòng Phúc lợi tiến hành điều tra tình trạng thuế hàng năm theo quy định tại Điều 29 Luật bảo hộ cuộc sống.

Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, chúng tôi sẽ điều tra với những bên có liên quan (nơi sử dụng lao động, văn phòng hưu trí v.v)

QUAN TRỌNG

Trường hợp bạn bị phát hiện kê khai không chính xác thu nhập bằng cách làm sai lệch hoặc che giấu sự thật, bạn sẽ được yêu cầu hoàn trả lại số phí bảo hộ mà bạn đã nhận được một cách gian lận. Ngoài ra, nếu bị đánh giá có tính chất nghiêm trọng, chúng tôi có thể sẽ truy tố bạn vì tội gian lận.

収入の申告義務を守ること

生活保護費以外の収入を得たとき、あるいは何も収入を得ていなくても、「収入（無収入）申告書」を福祉事務所に提出してください。
なお、収入を証明する資料を添付してください。

- 就労が可能と判断される方、求職活動を行っている方は収入の有無に関わらず原則毎月提出です。
- 収入がない場合にも、少なくとも1年に1回は申告書を提出してください。
※申告が必要な例はP. 10を参考にしてください。



高校生のアルバイト収入について

高校生がアルバイトをして得た収入も必ず申告してください。20歳未満の方には「20歳未満控除」や「基礎控除」等が適用されます。また、事前に承認が得られた場合においては、私立高校における授業料の不足分、修学旅行費、クラブ活動費、学習塾費、進学に伴う費用などにあてられる費用は収入認定額より除外することもできます。詳しくは、担当者にお尋ねください。

ただし、収入申告をせず、後からその収入が判明した場合には、原則その分の保護費を全額返していただくこととなりますのでご注意ください。

確認書の提出について

(生活保護法第61条に基づく収入の申告について)

世帯主だけでなく、働ける年齢の方（高校生含む）から「全ての収入は申告が必要なこと」などについて、説明を受け内容を十分理解し署名した確認書を提出していただきます。

課税調査等による収入額の調査を行います

福祉事務所では、収入状況を確認するため、生活保護法第29条の規定に基づき、毎年課税状況の調査を行います。

また、必要に応じて、関係先（就労先、年金事務所等）へ調査を行います。

重要

事実を偽ったり隠したりして収入の申告が適正に行われていないことが明らかになった場合には、不正に受けた保護費を返していただきます。

また、悪質と判断した場合は詐欺罪等で告訴する場合があります。

Tuân theo hướng dẫn và chỉ thị của Văn phòng Phúc lợi

Văn phòng Phúc lợi sẽ hướng dẫn và chỉ thị bằng miệng hoặc bằng văn bản trong các trường hợp sau. Người đang sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống có nghĩa vụ phải tuân theo các hướng dẫn và chỉ thị đó.



(1) Hướng dẫn và chỉ thị về lao động

- Nhìn từ tình trạng sức khỏe, mặc dù bạn vẫn có thể làm việc, nhưng lại không làm đủ không có lý do chính đáng.
- Kể cả khi bạn đang làm việc nhưng không đủ nỗ lực để tăng thu nhập của mình (bao gồm cả chuyển việc).

(2) Hướng dẫn và chỉ thị về điều trị y tế và bồi bổ sức khỏe

- Khi bạn cần chữa khỏi bệnh nhưng không nhiệt tình điều trị.
- Khi bạn cần nhập viện, xuất viện hoặc chuyển viện theo ý kiến của bác sĩ chủ trị và bác sĩ của Văn phòng Phúc lợi nhưng không tuân theo mà không có lý do chính đáng.
- Khi bạn không tuân thủ mệnh lệnh kiểm tra sức khỏe để xác nhận tình trạng sức khỏe của mình v.v

(3) Các hướng dẫn và chỉ thị khác

- Khi bạn không thanh lý tài sản cần sử dụng bằng cách bán đi v.v
- Khi bạn không sử dụng chế độ và chính sách nào khác ngoài Luật Bảo hộ cuộc sống mà bạn có thể sử dụng.
- Khi bạn không tuân thủ nghĩa vụ khai báo với Văn phòng Phúc lợi.
- Khi bạn không tuân theo hướng dẫn cần thiết khác nhằm đạt mục đích bảo hộ khác.

Việc sở hữu và lái xe ô tô/xe máy (quá 125cc) (bao gồm đi thuê) chỉ được cho phép trong một số trường hợp đã định

Theo nguyên tắc, việc sử dụng ô tô và xe máy có tổng dung tích khí thải trên 125cc chỉ để thuận tiện như giải trí v.v, bất kể là sở hữu hay đi thuê đều không được công nhận.

Ngoài ra, nếu bạn cần lái xe tại nơi làm việc, bạn bị tàn tật nhưng cần nó để đi đến bệnh viện hoặc đi làm, v.v...bạn được phép sở hữu nó, vì vậy vui lòng tham khảo ý kiến của người phụ trách.



Nhanh chóng hoàn trả lại phí bảo hộ trong trường hợp bị yêu cầu hoàn trả

Bạn có thể bị yêu cầu hoàn trả lại toàn bộ hoặc một phần thu nhập kiếm được Văn phòng Phúc lợi trong phạm vi phí bảo hộ được cấp (bao gồm chi phí y tế và phí chăm sóc điều dưỡng được trả trực tiếp cho bệnh viện, v.v...).

Trang 13 có mô tả chi tiết, vì vậy vui lòng kiểm tra trong trường hợp nào bạn sẽ bị yêu cầu hoàn trả lại và hãy chắc chắn hoàn trả lại trong trường hợp bạn bị yêu cầu hoàn trả.

福祉事務所の指導・指示に従うこと

福祉事務所では、次のようなとき、口頭又は文書で指導・指示を行います。生活保護制度利用中の方はこれに従う義務があります。



(1) 就労についての指導・指示

- 健康状態などからみて、働くことができるにもかかわらず、正当な理由もなく働かないとき。
- 働いていても、収入増加を図るための十分な努力（転職も含む）をしていないとき。

(2) 療養上の指導・指示

- 病気を治す必要があるにもかかわらず、治療に熱心でないとき。
- 主治医や福祉事務所の医師の意見にもとづき、入院・退院・転院が必要なのに正当な理由なく従わないとき。
- 健康状態などを確認するための検診命令に従わないとき。

(3) その他の指導・指示

- 売却などにより利用する必要のある資産などを処分しないとき。
- 利用が可能な生活保護法以外の制度や施策を利用しないとき。
- 福祉事務所への届け出の義務を守らないとき。
- その他保護の目的達成に必要な指導に従わないとき。

自動車・オートバイ（125cc超）の所有（借用を含む）・運転は特定の場合にのみ認められます。

遊興等単なる利便のための自動車や総排気量125ccを超えるオートバイの使用は、所有及び借用を問わず原則として認められません。

なお、勤務先で運転する必要がある場合や、障がいのある方などが通院・通勤などで必要となる場合は保有が認められる場合がありますので、担当者に相談してください。



保護費の返還を求められた場合速やかに返還すること

支給された保護費の範囲内（医療費や介護費など直接病院などに支払うものも含む）で、得た収入の全部又は一部を福祉事務所へ返還していただく場合があります。

P. 13に詳細の記載がありますので、どのような場合に返還を求められるのかご確認ください。頂き、返還を求められた場合は必ず返還してください。

4. Trường hợp cần thông báo

Cần thông báo đối với toàn bộ thành viên hộ gia đình

Bảo hộ cuộc sống được tiếp nhận trên đơn vị hộ gia đình. Vì vậy, cần thông báo nhanh chóng cho toàn bộ thành viên hộ gia đình khi có sự thay đổi về tình trạng cuộc sống. Việc này rất quan trọng đối với việc quyết định số phí bảo hộ được cấp, vì vậy xin lưu ý đừng chậm trễ hoặc quên.

Khi có sự thay đổi về thu nhập và tài sản

Ví dụ

Bạn có thể được yêu cầu nộp
“Bản kê khai thu nhập”

- Khi bạn nhận lương hàng tháng
- Khi bạn nhận thu nhập tạm thời từ việc làm như tiền thưởng, lương ngày, trợ cấp thôi việc, v.v...
- Khi bạn có thu nhập từ làm việc bán thời gian của thành viên hộ gia đình chưa đủ 20 tuổi
- Khi bạn được cấp khoản trợ cấp có tính chất công như lương hưu, v.v...
- Khi có tiền bảo hiểm nhân thọ trả khi nhập viện và hoàn tiền hủy hợp đồng
- Khi nhận được tiền xin lỗi và tiền bồi thường từ bên gây ra tai nạn giao thông
- Khi có lợi nhuận từ việc bán tài sản như ô tô và bất động sản v.v
- Khi mở tài khoản ngân hàng mới
- Khi có được tài sản thông qua thừa kế
- Khi nhận được hỗ trợ nuôi dưỡng, tiền chu cấp v.v từ người thân
- Nếu phải vay tiền mà không tránh được (khoản vay cũng tính là thu nhập)
Bạn cần kê khai tất cả thu nhập. Hãy chắc chắn kê khai nó.



Khi có sự thay đổi tình trạng hộ gia đình

Ví dụ

Bạn có thể được yêu cầu nộp
“Đơn đề nghị thay đổi bảo hộ”

- Khi có sự thay đổi thành viên hộ gia đình
(sinh sản, tử vong, di chuyển đến và đi khỏi nơi ở, nhập học và thôi học, nghỉ học, tốt nghiệp nhập viện và xuất viện, tai nạn, kết hôn, v.v...)
- Khi tìm được việc làm hoặc nghỉ việc
- Khi lấy được hoặc mất chứng chỉ tham gia bảo hiểm y tế
- Khi bạn vắng nhà trong thời gian dài chẳng hạn như về quê, ra nước ngoài...
- Khi bạn đăng ký, hủy bỏ hoặc thay đổi tên của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ mà bạn đã sở hữu...
- Khi tiền thuê nhà, thuê đất có sự thay đổi
Ngoài ra, nếu có sự thay đổi lớn trong hoàn cảnh sống của bạn, hãy chắc chắn tham khảo ý kiến của người phụ trách.



4 こんなときは届け出を

世帯全員 についての届け出が必要 です

生活保護は世帯単位で受けます。そのため、世帯全員について、生活状況に変化があったときは、すみやかに届け出る必要があります。支給する保護費の金額決定にかかわる重要なことなので、遅れないように・忘れないように注意してください。

収入や資産に変化があったとき 例 「収入申告書」の提出を依頼する場合があります

- 毎月の給与を受け取ったとき
 - 賞与、日払いの給料、退職金など臨時的就労収入を受け取ったとき
 - 世帯員の20歳未満の者によるアルバイト収入があったとき
 - 年金などの公的手当の支給があったとき
 - 生命保険の入院給付金や解約返戻金があったとき
 - 交通事故などで相手から慰謝料や賠償金を受け取ったとき
 - 車や不動産など資産の売却益があったとき
 - 銀行口座の開設を新たに行ったとき
 - 相続により資産を得たとき
 - 親族などから養育費、仕送りなどの援助があったとき
 - やむを得ず、借金をしてしまった場合（借入金も収入となります）
- あらゆる収入について申告が必要です。必ず申告してください。



世帯の状況に変化があったとき 例 「保護変更申請書」の提出を依頼する場合があります

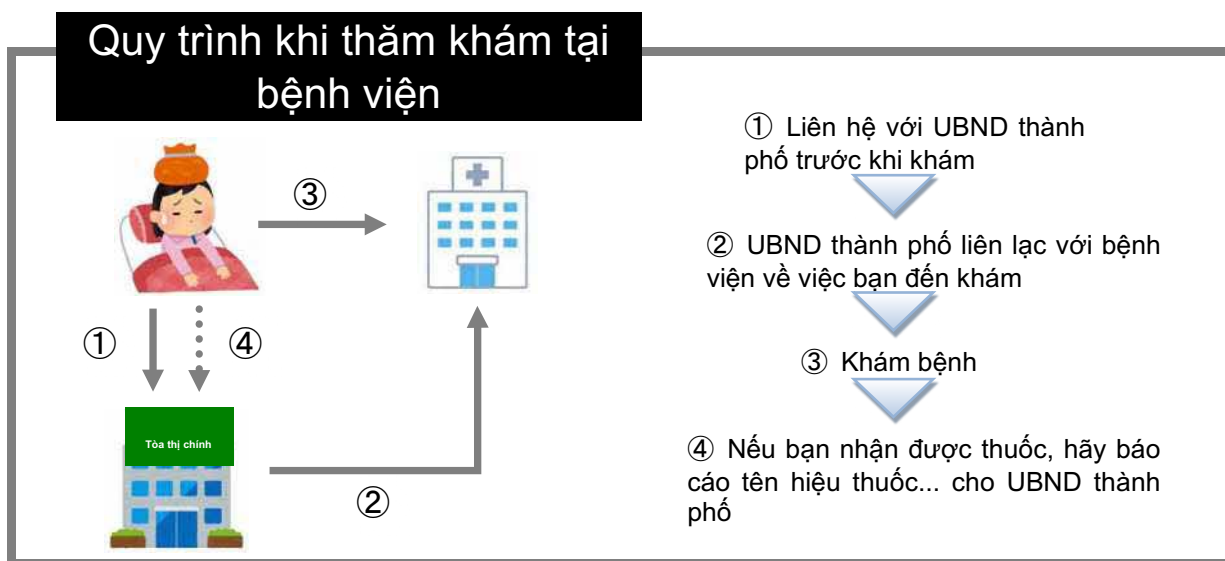
- 世帯員に変化があったとき
(出生、死亡、転入転出、入退学、休学、卒業、入退院、事故、結婚など)
- 就職や離職をしたとき
- 健康保険の資格を取得、喪失したとき
- 帰省、海外への渡航などで家を長期間留守にするとき
- 保有容認済の生命保険などの加入、解約、名義変更したとき
- 家賃、地代が変更されるとき

その他、生活状況に大きな変化があったときは必ず事前に担当者に相談してください。



5. Cách sử dụng bệnh viện

Hãy chắc chắn khai báo trước khi khám bệnh!



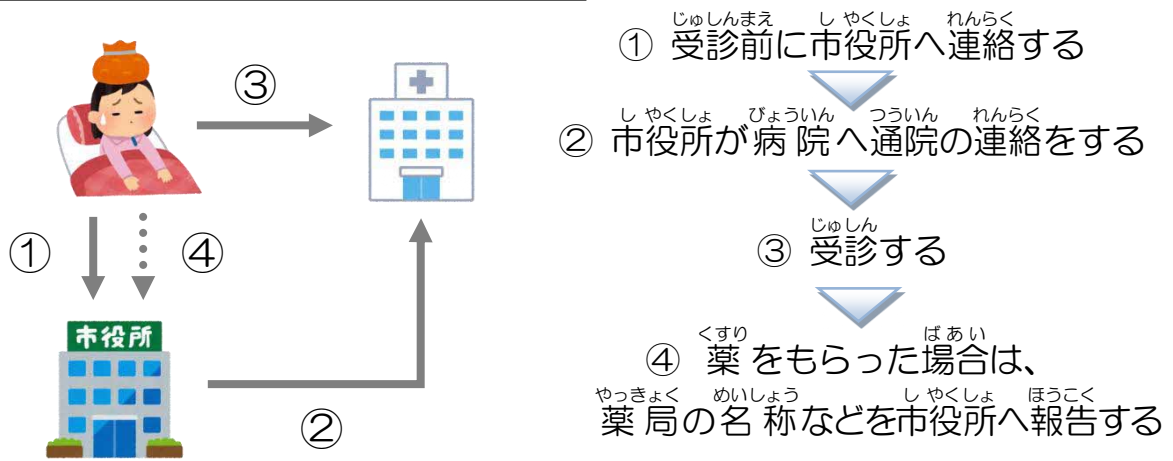
※Những điểm cần lưu ý khác

- Nếu có thể, hãy đến khám tại bệnh viện hoặc phòng khám (cơ sở y tế được chỉ định) càng gần càng tốt theo quy định của Luật Bảo hộ cuộc sống.
- Theo nguyên tắc, không thể khám cùng 1 tên bệnh tại 2 bệnh viện trở lên.
- Nếu cần khám bệnh do bị bệnh đột ngột vào ban đêm hoặc ngày nghỉ, khi đi khám vui lòng xuất trình “Phiếu thụ hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống kiêm phiếu khám bệnh vào ngày nghỉ và ban đêm” tại quầy giao dịch của cơ sở y tế. Ngoài ra, hãy chắc chắn liên hệ với người phụ trách vào ngày hôm sau.
- Nếu bác sĩ nói với bạn cần kính và đai trợ lực..., hãy trao đổi với người phụ trách.
- Khi phát sinh phí đi lại đến bệnh viện tại thời điểm khám bệnh, chi phí đi lại có thể được thanh toán tùy theo tình trạng bệnh với lộ trình di chuyển (bằng phương tiện giao thông công cộng v.v) một cách tiết kiệm và hợp lý, giới hạn trong số ngày tối thiểu cần thiết để điều trị. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với người phụ trách.
- Trong khi đang sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống, bạn không thể tham gia bảo hiểm y tế quốc dân, nhưng nếu có thể tham gia bảo hiểm y tế của công ty theo công việc v.v, bạn sẽ được sử dụng bảo hiểm y tế của công ty. Khi mới tham gia bảo hiểm y tế của công ty, hoặc khi mất tư cách bảo hiểm y tế của công ty, hãy chắc chắn báo cáo cho người phụ trách.
- Nếu bạn vào viện, ra viện hay ngừng đến bệnh viện do đã khỏi bệnh, hãy chắc chắn báo cáo cho người phụ trách.

5 病院のかかり方

じゅしんまえ じゅしん まえ 受診前 に かなら かなら 必ず とど 届 け 出 を で 出 を

びょういん なが 病院にかかるときの流れ



※ その他の注意すべきポイント

- せいかつほごほう せい 生活保護法で指定されている、できるだけ近隣の病院・診療所（指定医療機関）でじゅしん じゅしん 受診してください。
- げんそくどういつびょうめい げん 原則同一病名で2カ所以上の病院を受診することはできません。
- やかん きゅうじつ きゅうじつ 夜間や休日に急病で受診するときは、「生活保護受給票兼休日夜間受診票」を医療機関の窓口（まどぐち）に提示（ていじ）し、受診してください。なお、ごしつかなら 後日必ず担当者（だんとうしや）に連絡してください。
- いし 医師からメガネやコルセットなどが必要（ひつよう）と言われたときは、だんとうしや 担当者に相談（そうだん）してください。
- つういんじ 通院時に交通費（こうつうひ）がかかるときは、ちりょう 治療に必要なさいしょうげんと にっすう 日数に限り、びょうき 病気の状態（じょうたい）に応じて経済的かつ合理的な経路（こうきょうこうつうきかんとく）（公共交通機関等の手段）により交通費が支給（しきゅう）される場合があります。詳しくは、だんとうしや 担当者にお尋ね（たず）ください。
- せいかつほごせいど 生活保護制度（せいど）を利用（りよう）しているあいだ、こくみんけんこうほけん 国民健康保険にはかきゆう 加入（かきゆう）できませんが、しゅうしょく 就職などによりかいしゃ 会社の健康保険（けんこうほけん）に加入（かきゆう）出来る場合は、けんこうほけん 健康保険を利用していただき（いた）ます。新たにかいしゃ 会社の健康保険（けんこうほけん）に入（はい）ったり、けんこうほけん 健康保険の資格（しかく）をうしな 失（うしな）ったりしたときは、かなら 必ず担当者（だんとうしや）にほうこく 報告（ほうこく）してください。
- にゅういん 入院・退院（たいいん）、ちゆ 治愈（ちゆ）によりつういん 通院（つういん）をちゆうし 中止（ちゆうし）したときは、かなら 必ず担当者（だんとうしや）にほうこく 報告（ほうこく）してください。

Nguyên tắc là phải sử dụng thuốc generic!

Chúng tôi đang nỗ lực thúc đẩy phổ cập việc sử dụng thuốc gốc (thuốc generic) trên cả nước, không chỉ giới hạn những người đang sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống. Là một phần của nỗ lực đó, từ tháng 10/2018, về nguyên tắc thuốc generic sẽ được phép sử dụng trong cả lĩnh vực bảo hộ cuộc sống nếu được bác sĩ hoặc nha sĩ chấp thuận việc sử dụng chúng dựa trên kiến thức y học.

Người có lý do đặc biệt không thể dùng được thuốc gốc, vui lòng liên hệ với Văn phòng Phúc lợi và bác sĩ hoặc dược sĩ để được tư vấn. Mong bạn hiểu và hợp tác trong việc sử dụng thuốc gốc.



Hãy cho tôi
thuốc generic!



Hãy kiểm tra sức khỏe!

Những người từ 40 tuổi trở lên và đang sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống có thể được kiểm tra sức khỏe miễn phí (kiểm tra sức khỏe thành phố Ayase). Đây là cơ hội tốt để biết về tình trạng sức khỏe của bản thân, vì vậy hãy tích cực khám sức khỏe!

Để biết chi tiết vui lòng xác nhận với người phụ trách, hoặc liên hệ với Ban phụ trách dự phòng y tế - Bộ phận xúc tiến kiến tạo sức khỏe - Phòng sức khỏe trẻ em của UBND thành phố Ayase (0467-77-1133).

Về hỗ trợ quản lý sức khỏe

Nhằm mục đích duy trì và nâng cao sức khỏe cho người đang sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống, chúng tôi thực hiện dự án hỗ trợ quản lý sức khỏe bằng cách đi cùng với các nhân viên y tế cộng đồng khi họ đến thăm mỗi gia đình. Bạn có thể trao đổi với chúng tôi về sức khỏe của bạn trong cuộc sống, cũng như những lo lắng về việc đến viện và dùng thuốc, v.v... Để biết chi tiết vui lòng liên hệ với người phụ trách.

Trường hợp bạn sử dụng dịch vụ chăm sóc điều dưỡng...

Khi cần chăm sóc điều dưỡng vì tuổi già hoặc bị bệnh v.v, bạn có thể sử dụng dịch vụ điều dưỡng của chế độ bảo hiểm điều dưỡng.

Thông thường bạn sẽ phải tự chịu 10% chi phí điều dưỡng nhưng sẽ không cần thiết phải trả, do được hưởng quyền lợi hỗ trợ chăm sóc điều dưỡng. Nếu bạn cần dịch vụ điều dưỡng, vui lòng trao đổi với người phụ trách.



ジェネリック医薬品の使用が原則です

後発医薬品（ジェネリック医薬品）の使用普及については、生活保護制度を利用している人に限らず、国全体で取り組んでいます。生活保護においても、その取り組みの一環として、平成30年10月より、医師または歯科医師が医学的知見に基づき使用を認めている場合に限り、後発医薬品を原則として使用していただくこととなりました。

後発医薬品を使用できない特別の理由がある方は、福祉事務所や医師または薬剤師にご相談ください。後発医薬品の利用にご理解とご協力をお願いします。



ジェネリックで
ねが
お願いします



健康診断を受診しましょう

制度利用中で40歳以上の方は健康診断（綾瀬市健康診査）が無料で受けられます。自身の健康状態を知る良い機会ですので、積極的に受診するようにしましょう。

詳細は担当者に確認するか、綾瀬市役所健康こども部健康づくり推進課

医療予防担当（☎0467-77-

1133）までお問合せください。

健康管理支援について

制度利用中の方の健康維持及び増進を目的として、各家庭を訪問する際保健師と同行する、健康管理支援事業を行っています。生活上の健康に関する相談や通院・服薬に関する不安など相談することが出来ます。詳しくは担当者にお尋ねください。

介護サービスを利用する場合は・・・

高齢や病気などにより介護が必要となったときは、介護保険制度の介護サービスを利用できます。

通常は介護サービスを利用した費用の1割が自己負担となりますが、介護扶助による給付により不要となります。介護サービスが必要な場合は、担当者へご相談ください。



6. Về việc hoàn trả phí bảo hộ cuộc sống

Bạn có thể bị yêu cầu hoàn trả lại phí bảo hộ cuộc sống

Phí bảo hộ cuộc sống được cấp biến động theo tình trạng và thu nhập của thành viên hộ gia đình. Nếu vì lý do khai báo muộn dẫn đến việc phải chi trả khoản phí bảo hộ lớn, bạn có thể bị yêu cầu hoàn trả lại phí bảo hộ đã được cấp (bao gồm cả các chi phí y tế, v.v). Trong trường hợp cần thiết, chúng tôi có thể sẽ điều tra các cơ quan liên quan (ví dụ: nơi bạn làm việc, cục thuế, tổ chức tài chính, công ty bảo hiểm, v.v).

Hoàn trả phí bảo hộ cuộc sống là nghĩa vụ được quy định tại Luật Bảo hộ cuộc sống. (Điều 63 bộ Luật). Trong trường hợp bị yêu cầu hoàn trả, bạn cần nhanh chóng trả lại phí bảo hộ cuộc sống.

● Trường hợp phí bảo hộ cuộc sống biến động do thay đổi điều kiện sống

Nếu có sự thay đổi trong điều kiện sống (biến động thu nhập, tăng giảm thành viên hộ gia đình, thành viên hộ gia đình xuất nhập viện, v.v), phí bảo hộ cuộc sống sẽ biến động.

Sẽ có những trường hợp do chậm trễ khai báo dẫn đến không kịp xử sự thay đổi và chúng tôi sẽ thanh toán cả phần phí bảo hộ đó.

Trong trường hợp đó, bạn sẽ bị yêu cầu hoàn trả phí bảo hộ đã được cấp nhiều hơn.

(※Có trường hợp chúng tôi sẽ điều chỉnh phí bảo hộ từ tháng tiếp theo trở đi.)



● Trường hợp thanh lý tài sản trong khi đang sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống

Sẽ có trường hợp bạn tiến hành bán các tài sản có thể tận dụng được như lương hưu, bảo hiểm nhân thọ, bất động sản, trợ cấp, v.v. trong khi đang được thụ hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống và có được thu nhập. Trong trường hợp này, bạn sẽ được yêu cầu hoàn trả phí bảo hộ cuộc sống đã được cấp.

Trường hợp qui thành tiền mặt, vui lòng báo cáo quá trình cũng như chắc chắn khai báo với Văn phòng Phúc lợi khi đã qui ra tiền mặt.



● Trường hợp sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống một cách gian lận

Nếu bạn sử dụng chế độ bằng các thủ đoạn gian lận như làm sai lệch hoặc che giấu sự thật tại thời điểm đăng ký và trong khi đang sử dụng chế độ, chúng tôi sẽ truy thu toàn bộ hoặc một phần số tiền bảo hộ đã được cấp. (Điều 78 bộ Luật). Trường hợp bị nhận định là thụ hưởng gian lận, bạn có thể bị phạt tù hoặc phạt tiền theo quy định pháp luật.



6 保護費の返還について

保護費の返還を求められる場合があります

支給する保護費は世帯員の状況や収入により変動します。届け出が遅れたことで保護費を多く支給した場合は、支給した保護費（医療費などを含む）を返還していただきます。必要に応じて、関係機関（勤務先・税務署・金融機関・保険会社など）を調査することもあります。

保護費の返還は生活保護法に規定された義務です（法第63条）。返還が求められた場合は、速やかに返還を行う必要があります。

● 生活状況の変化により保護費の変動が生じた場合

生活状況に変化があった場合（収入の変動・世帯員の増減・世帯員の入院など）、支給する保護費は変動します。届け出が遅れるなどして変更処理が間に合わず、保護費を支給することになってしまうことがあります。

その場合、支給しすぎた保護費は返還していただきます。

（※翌月以降の保護費で調整する場合があります）



● 制度利用中に資産を処分した場合

年金・生命保険・不動産・手当など活用できる資産について保護受給中に売却などを行い、収入を得る場合があります。この場合、すでに支給された保護費はあとで返還していただきます。

現金化を行う際には経過の報告を行うとともに、現金化された時は必ず福祉事務所へ届出てください。



● 不正に制度を利用した場合

申請時・制度利用中に事実を偽ったり、隠したりして、不正な手段で制度を利用した場合はすでに支給された保護費の全部又は一部を徴収します（法第78条）。不正受給と認定された場合は、法律により懲役や罰金が科せられることがあります。



7. Những điều nên đặc biệt chú ý trong khi đang sử dụng chế độ

①

Trường hợp không tuân theo các hướng dẫn và chỉ thị bằng văn bản được coi là cần thiết để áp dụng bảo hộ mà không có lý do chính đáng thì có thể Văn phòng Phúc lợi sẽ cho cơ hội giải trình trước, rồi tiến hành thay đổi, tạm dừng hay bãi bỏ sự bảo hộ.

Tương tự, trường hợp không tuân theo mệnh lệnh điều tra và kiểm tra tình trạng tài sản, tình trạng sức khỏe v.v, chúng tôi có thể sẽ thay đổi hoặc tạm dừng hay bãi bỏ sự bảo hộ.

②

Thành viên băng đảng bạo lực không thể sử dụng chế độ bảo hộ vì không đáp ứng điều kiện cần của bảo hộ.

* Trường hợp sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống trong thời gian đang là thành viên của băng đảng bạo lực, việc bảo hộ sẽ bị bãi bỏ, đồng thời toàn bộ số phí bảo hộ đã được cấp sẽ bị truy thu với tư cách là số tiền thụ hưởng gian lận.

③

Trường hợp được hưởng dịch vụ y tế và điều dưỡng do nguyên nhân từ hành vi của bên thứ ba, chẳng hạn như tai nạn giao thông, hoặc ngộ độc thực phẩm...tại nhà hàng v.v, hãy khai báo với Văn phòng Phúc lợi bất kể bên kia là ai, hay thiệt hại của bạn lớn nhỏ ra sao.

④

Khi một người sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống gian lận bằng cách làm sai lệch hay che giấu sự thật, chúng tôi sẽ truy thu toàn bộ hoặc một phần phí bảo hộ đã nhận được một cách gian lận theo Điều 78 bộ Luật (Theo luật, chúng tôi có thể truy thu tối đa 1,4 lần số phí bảo hộ đã nhận được do gian lận). Ngoài ra, trong trường hợp phương thức thụ hưởng gian lận bị phán đoán là có tính chất nghiêm trọng, chúng tôi có thể sẽ truy tố bạn về tội gian lận...

※Về số tiền truy thu, sau khi thương lượng với Văn phòng Phúc lợi, bạn có thể nộp “Đơn đề nghị nộp tiền truy thu bằng tiền hoặc hiện vật bảo hộ...” và có thể dùng tiền và hiện vật bảo hộ được cấp để thanh toán cho đến khi toàn bộ số tiền truy thu được nộp hết, trừ khi bạn rút lại hoặc thay đổi nội dung đề nghị.

7 制度利用中特に注意すべきこと

①

福祉事務所が、保護を適用する上で必要と認め行う文書による指導・指示に正当な理由がなく従わない場合は、弁明の機会を与えたうえで、保護の変更や停止・廃止を行うことがあります。

資産状況、健康状態などを調べるための調査や検診命令に従わない場合も同様に、保護の変更や停止・廃止を行うことがあります。

②

暴力団員は、保護の要件を満たさないため保護は利用できません。

* 暴力団である期間中に生活保護制度を利用した場合は、保護を廃止するとともに支給した保護費の全額を不正受給として徴収します。

③

交通事故や飲食店などでの食中毒など、第三者の行為を原因として医療行為や介護サービスを受けた場合、相手が誰であっても、また自分の過失の大小に関わらず、福祉事務所に届出をしてください。

④

事実を偽ったり隠したりして不正に生活保護制度を利用したときは、法第78条に基づき不正に受けた保護費の全部または一部を徴収します（法律上、徴収金については、不正に受けた保護費の1.4倍を上限に徴収することが出来るとされています）。また、不正受給の方法が悪質だと判断した場合には詐欺罪などで告訴する場合があります。

※ 徴収金については、福祉事務所との協議の上、「保護金品等を徴収金の納入に充てる旨の申出書」を提出していただくことで、その申出の撤回又は申出内容の変更を行わない限り、徴収金を全て納付するまで保護金品などから支払いに充てることができます。

8. Ngày chi trả phí bảo hộ cuộc sống

- Ngày thanh toán phí bảo hộ cuộc sống: Theo nguyên tắc ngày thanh toán là ngày mùng 5 hàng tháng (ngày thanh toán định kỳ)
 - ※ Trường hợp ngày mùng 5 là ngày nghỉ của cơ quan chính phủ, ngày thanh toán sẽ là ngày làm việc trước đó.
 - ※ Có trường hợp chúng tôi sẽ thực hiện thanh toán theo tiến độ thời gian.
- Hồ sơ cần mang theo: Con dấu cá nhân, “Phiếu thụ hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống kèm phiếu khám bệnh vào ngày nghỉ và ban đêm”.
 - ※ Chúng tôi cũng thanh toán chuyển khoản vào tài khoản được chỉ định. Để biết chi tiết vui lòng hỏi người phụ trách.

9. Về các thủ tục khi đang sử dụng chế độ bảo hộ cuộc sống

- Các mục sau đây được giảm hoặc miễn, vì vậy hãy đăng ký!

◇Phí thuê bao NHK ◇Thuế tài sản cố định ◇Thuế thị dân/thuế tỉnh dân

◇Phí bảo hiểm hưu trí quốc dân ◇Phí xử lý rác công kênh ◇Phí quản lý nghĩa trang

※ Phí nước sạch của tỉnh (phí cơ bản) có chế độ miễn giảm như sau:

- Hộ gia đình đang hưởng trợ cấp nuôi con
- Hộ gia đình người tàn tật (tùy thuộc vào mức độ tàn tật mà có thể không thuộc đối tượng áp dụng)
- Hộ gia đình thụ hưởng lương hưu cơ bản của người thân đã mất
- Hộ gia đình cần được chăm sóc điều dưỡng (hộ gia đình cần chăm sóc điều dưỡng số 4 hoặc số 5)

*Mọi thắc mắc xin liên hệ với
các bộ phận phụ trách hoặc văn phòng đại diện nhà máy nước Ebina (ĐT:
046-234-4111)*

- Bạn có thể nhận được tiền trợ cấp, vì vậy hãy vui lòng xác nhận với chúng tôi. Có chế độ hỗ trợ một phần tiền điện v.v tăng lên do sử dụng điều hòa không khí (gọi là “máy điều hòa nóng lạnh và quạt thông khí”) được lắp đặt trong quá trình thi công cách âm nhà ở.

Vui lòng hỏi và xác nhận với chủ nhà và công ty bất động sản của bạn.

*Mọi thắc mắc xin liên hệ với
Cục Phòng vệ Minami Kanto (ĐT: 045-211-7113 / 7139)*

8 保護費の支給日について

- **保護費支給日**：原則毎月5日（定例支給日）
 - ※ 5日が、閉庁日の場合は、その前の開庁日が支給日となります。
 - ※ 随時支払いを行う場合もあります。
- **持参が必要なもの**：印鑑・「生活保護受給票兼休日夜間受診票」
 - ※ 指定口座への口座振替も行っています。詳しくは担当者にお尋ねください。

9 制度利用中の手続きについて

- 次のものは減額、または免除されますので申請してください

◇NHK受信料 ◇固定資産税 ◇市・県民税

◇国民年金保険料 ◇粗大ゴミ処分費用 ◇墓園管理料

※ 県営水道料金（基本料金）は、次の減免制度があります。

- ・ 児童扶養手当受給世帯
- ・ 障がい者世帯（等級により対象外の場合があります）
- ・ 遺族基礎年金受給世帯
- ・ 要介護者世帯（要介護4又は要介護5の方がいる世帯）

お問い合わせは、

各担当部署又は海老名水道営業所（TEL 046-234-4111）

- 補助金をもらえる場合がありますので御確認ください

住宅防音工事で設置したエアコンなど（「冷暖房機と換気扇」をいいます）

の使用により増加した電力料金の一部などを補助する制度があります。

大家さんや不動産屋などに確認して、お問い合わせください。

お問い合わせは、

南関東防衛局まで（TEL045-211-7113・7139）

- ◆ Cán bộ xã hội chuyên trách của Văn phòng Phúc lợi sẽ định kỳ đến thăm nhà bạn, vì vậy đừng ngần ngại trao đổi với chúng tôi về bất kỳ mối quan tâm nhỏ hay sự lo lắng mỗi ngày. Ngoài ra, bạn cũng có thể tham vấn nhiều vấn đề với Ủy ban dân sinh và Ủy ban trẻ em tại địa phương
- ◆ Cán bộ xã hội chuyên trách của Văn phòng Phúc lợi, ủy viên Ủy ban dân sinh và ủy viên Ủy ban trẻ em không được phép tiết lộ các nội dung tư vấn của bạn cho người khác, vì vậy bạn hãy an tâm trao đổi với chúng tôi.



Người phụ trách của bạn là

Phòng Phúc lợi tổng hợp -
UBND thành phố Ayase

☎ Điện thoại: 0467-70-5682
(Tổng đài phiên dịch ngoại ngữ thành phố
Ayase)

Tên cán bộ phụ trách:

☎ Điện thoại trực tiếp: 0467-70-5614
(tiếng Nhật)

Tên cán bộ phụ trách dân sinh:

(Điện thoại: -)

◆^{ふくしじむしょ たんとう}福祉事務所の担当ケースワーカーが^{ていきてき}定期的にあなたの^{かてい ほうもん}家庭を訪問します。ので、^{ひごろ しんぱい}日頃の心配ごとなど、^{えんりょ}どんなささいなことでも遠慮なく^{そうだん}相談してください。また、^{ちいき みんせいいいん じどういいん}地域の民生委員・児童委員もいろいろな^{そうだん}相談にのってくれます。

◆^{ふくしじむしょ たんとう}福祉事務所の担当ケースワーカー、^{みんせいいいん じどういいん}民生委員、児童委員は、^{あん}あなたの^{そうだん}相談ごとを^{たにん も}他人に漏らすことを^{ほうりつ きんし}法律で禁止されていますので、^{あん}安心して^{しん そうだん}相談してください。



あなたの^{たんとう}担当は、

^{あやしやくしょ}綾瀬市役所 ^{ふくしそうむか}福祉総務課

☎ ^{でんわ}電話 0467-70-5682

^{あやしがいこくごつうやく}(綾瀬市外国語通訳コールセンター)

^{たんとういんめい}担当員名 _____

☎ ^{ちよくつうでんわ}直通電話 0467-70-5614 (日本語)

^{たんとうみんせいいいんめい}担当民生員名 _____

(☎ —)

10. Hỏi và đáp về chế độ bảo hộ cuộc sống

Q Tôi muốn sống ở thành phố Ayase từ bây giờ, liệu tôi có thể hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống không?

A Bạn sẽ được hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống tại chính quyền địa phương nơi bạn hiện đang sinh sống (nơi cư trú), vì vậy nếu bạn chuyển chỗ ở chúng tôi sẽ đưa ra phán đoán dựa trên đăng ký sau khi bạn chính thức cư trú.

Q Có phải chỉ mình tôi được hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống trong số các thành viên gia đình tôi không?

A Bảo hộ cuộc sống được phán đoán có cần thiết hay không theo đơn vị hộ gia đình. Vì việc quyết định áp dụng bảo hộ sẽ được quyết định tùy thuộc vào tình trạng của tất cả thành viên hộ gia đình thực sự đang sống cùng nhau nên về cơ bản không thể chỉ có một người được hưởng bảo hộ cuộc sống, mặc dù họ ở cùng một hộ gia đình.

Q Tôi đang có khoản tiền vay, liệu tôi có thể được bảo hộ cuộc sống hay không?

A Về cơ bản không có chuyện bạn không thể hưởng bảo hộ cuộc sống nếu bạn đang có khoản vay, nhưng số phí bảo hộ cuộc sống được quyết định dựa trên sinh hoạt phí tối thiểu, vì vậy về cơ bản bạn cần sinh hoạt trong phạm vi đó. Hãy tham vấn ý kiến người có chuyên môn pháp luật v.v và cố gắng điều chỉnh bằng cách điều chỉnh tự nguyện hoặc phá sản tự nguyện v.v Ngoài ra, nếu bạn sở hữu nhà trước khi trả hết khoản vay, bạn không được phép dùng phí bảo hộ cuộc sống để trả khoản vay, vì vậy về nguyên tắc bảo hộ cuộc sống sẽ không được áp dụng.

Q Khi đang hưởng bảo hộ cuộc sống, tôi có thể vay tiền không?

A Phí bảo hộ cuộc sống được cấp là sinh hoạt phí tối thiểu do chính phủ quy định, vì vậy về cơ bản bạn cần sinh hoạt trong phạm vi đó. Khoản vay từ người quen và người thân, từ công ty cho vay v.v được xem là khoản thu nhập, vì vậy chúng tôi sẽ khấu trừ khoản vay ra khỏi phí bảo hộ cuộc sống để cấp cho bạn.

Hơn nữa, bạn cần kê khai tất cả các khoản thu nhập, không chỉ giới hạn ở khoản vay, cho Văn phòng Phúc lợi. Ngoài ra, trường hợp chúng tôi phát hiện ra bạn có thu nhập trong thời gian hưởng bảo hộ cuộc sống, kể cả sau khi chế độ bảo hộ cuộc sống đã bị bãi bỏ, bạn sẽ bị yêu cầu hoàn trả lại phí bảo hộ cuộc sống đã được cấp.

※Trường hợp có tính chất nghiêm trọng chẳng hạn như cố ý che giấu sự thật v.v, bạn sẽ bị coi là phạm tội lừa đảo.

10 生活保護にかかわるQ&A



これから綾瀬市に住みたいと思っていますが、生活保護は受けられますか？



生活保護は、現在住んでいる場所（居住地）の自治体で受けることとなりますので、転居する場合は実際に居住してから申請に基づき判断することとなります。



家族の中で自分だけ生活保護を受けられますか？



生活保護は世帯単位で保護が必要かどうか判断することとなります。実際に同居している世帯員全員の状況によって、保護の適用を決定することとなりますので、同じ世帯にいるのに、一人だけ生活保護を受けることは基本的にできません。



借金があるのですが、生活保護を受けられますか？



基本的に借入金があることで生活保護を受けられないことはありませんが、支給される保護費は国が定めている最低生活費ですので、基本的にはその範囲で生活していただく必要があります。法律家などに相談し、任意整理や自己破産などで整理するようにしましょう。なお、ローン完済前の住宅を保有している場合は、保護費からのローン返済が認められていないため、原則として生活保護が適用になりません。



生活保護を受けている時に借金はできますか？



支給される保護費は国が定めている最低生活費ですので、基本的にはその範囲で生活していただく必要があります。知人や親族、ローン会社などからの借入れは収入として認定することとなりますので、借入金の分を差し引いて保護費を支給することとなります。また、借入金に限らず、すべての収入は福祉事務所へ申告する必要があります。なお、生活保護が廃止になった後でも保護を受けている間の収入が判明した場合は、支給した保護費を返還していただくこととなります。

※故意に事実を隠ぺいした場合など悪質な場合は、詐欺罪などの犯罪となることがあります。



Tôi có được phép sở hữu ô tô hoặc xe máy không?



Ô tô hoặc xe máy sẽ trở thành tài sản, vì vậy bạn cần tận dụng bằng cách bán đi v.v...Việc sở hữu chỉ được phép trong trường hợp không thể tránh khỏi đối với công việc, hoặc người khuyết tật cần chúng để đi làm hoặc đến viện khám. Xe máy, xe đạp có gắn động cơ có tổng dung tích 125cc trở xuống có thể được phép sở hữu trong một số điều kiện cần nhất định sau khi xác nhận giá trị thanh lý và công dụng.



Tôi có thể mua bảo hiểm học sinh sinh viên không?



Về nguyên tắc cần tận dụng tài sản bằng cách hủy hợp đồng hoàn tiền tương tự như bảo hiểm nhân thọ. Tuy nhiên, trong trường hợp thỏa mãn một số điều kiện nhất định, hợp đồng không cần hủy bỏ trên tiền đề đồng rằng bạn sẽ hoàn trả số tiền tương đương với khoản hủy hợp đồng khi bạn bắt đầu hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống.



Khi nào bảo hộ cuộc sống kết thúc?



Bảo hộ cuộc sống kết thúc trong các trường hợp chủ yếu sau đây:

- ① Xác định cần thiết hay không: trường hợp thu nhập v.v dự kiến vượt quá phí sinh hoạt tối thiểu
- ② Tử vong/Chuyển đi sống tại nơi khác: trường hợp người thụ hưởng chết, trường hợp chuyển ra khỏi thành phố
- ③ Vi phạm hướng dẫn và chỉ thị: trường hợp không tuân theo hướng dẫn và chỉ thị của Văn phòng Phúc lợi mà không có lý do chính đáng
- ④ Vi phạm mệnh lệnh kiểm tra sức khỏe: trường hợp không tuân theo mệnh lệnh kiểm tra sức khỏe của Văn phòng Phúc lợi mà không có lý do chính đáng

Có nhiều trường hợp khác có thể xảy ra (như trường hợp mất tích hoặc bị tố tụng sau khi bị bắt giữ v.v). Trong khi đang hưởng chế độ bảo hộ cuộc sống, người phụ trách sẽ kịp thời giải thích về chế độ bảo hộ nào sẽ được áp dụng như thế nào. Nếu bạn có bất kỳ điểm nào chưa hiểu, vui lòng xác nhận với người phụ trách và cố gắng thảo luận kỹ càng để không hiểu sai.



自動車やバイクの保有は認められますか？



自動車やバイクは資産となるため、売却などにより活用することが必要です。保有を認められるのは、仕事でやむを得ず必要と認められる場合や障がい者の通勤・通院などに必要と認められる場合に限られます。総排気量125cc以下のバイク・原動機付自転車については、処分価値及び用途などを確認した上で、一定の要件のもと保有が認められる場合があります。



学資保険は加入していても良いですか？



原則的には生命保険同様に解約返戻金を資産として活用する必要があります。ただし、一定の条件を満たす場合は、生活保護開始時の解約返戻金相当額を返還することを前提に解約しないことができます。



生活保護が終わるのはどんなときですか？



生活保護が終わるのは主に以下の場合となります。

- ① 要否判定：最低生活費を超える収入などが見込める場合
- ② 死亡・転出：受給者の方が亡くなった場合・市外へ転出した場合
- ③ 指導指示違反：福祉事務所が行う指導・指示に正当な理由なく従わない場合
- ④ 検診命令違反：福祉事務所が行う検診命令に正当な理由なく従わない場合

その他にも様々な場合（失踪した場合、逮捕後に起訴された場合など）が考えられます。

受給中は、どのような場合に、生活保護がどうなるのか、随時担当者から制度の説明が行われます。ご不明な点は担当者に確認するとともに、認識の違いがないよう、よく話し合うよう心掛けてください。



Khấu trừ cơ bản là gì và được tính như thế nào?



Để làm việc kiếm thu nhập, bạn sẽ phải trả tiền ăn trưa v.v ngoài các khoản bảo hiểm xã hội và thuế. Để bù đắp cho các chi phí cần thiết này, bằng cách xác nhận thu nhập sau khi trừ đi khoản giảm trừ cơ bản ra khỏi thu nhập từ làm việc, phí bảo hộ cuộc sống sẽ giảm xuống nhưng số tiền thực tế bạn nhận về tay sẽ nhiều hơn và số tiền bạn có thể sử dụng sẽ tăng lên. Mục đích của khấu trừ cơ bản là khuyến khích những người đang được bảo hộ cuộc sống hướng đến tự lập bằng cách làm việc, để khơi dậy mong muốn lao động và thúc đẩy sự tự lập.

Số tiền khấu trừ cơ bản sẽ thay đổi theo số tiền thu nhập. Để biết chi tiết vui lòng xác nhận ở trang tiếp theo.

Ví dụ về cách tính như sau. Nếu có điểm nào chưa rõ, vui lòng liên hệ với cán bộ xã hội chuyên trách phụ trách của bạn.

(Trường hợp đơn thân 40 tuổi từ tháng 4 đến tháng 10)

Phí hỗ trợ sinh hoạt	Phí hỗ trợ nhà ở	Tổng
71.460 JPY	+ 41.000 JPY	= 112.460 JPY ^①

Số tiền thu nhập	Số tiền khấu trừ cơ bản	Thu nhập được xác nhận
50.000 JPY	- 18.400 JPY	= 31.600 JPY ^②

Phí bảo hộ được cấp	Thu nhập	Số tiền còn lại trong tay
---------------------	----------	---------------------------

① - ② = 80.860 JPY + 50.000 JPY = **130.860 JPY**



きそこうじょ けいさん
基礎控除とはどのようなもので、どう計算されますか？



はたら しょうにゅう え しゃかいほけんりょう ぜいきんいがい ちゅうしょくだいとう
 働いて収入を得るためには、社会保険料や税金以外にも昼食代等がかかります。これ
 らの必要経費を補填するため、はたら え しょうにゅう きそこうじょ きひ がく
 収入認定することで、ほごひ へ じっさい てもと のに きんがく おお つか きんがく
 収入認定することで、保護費は減りますが実際に手元に残る金額は多くなり使える金額
 が増えます。きそこうじょ はたら せいかつほご じりつ め ぎ かた しゅうろう
 基礎控除は働くことで生活保護からの自立を自指す方へ、より就労への
 いよく かんき じりつ じょうちよう はか ちくてき
 意欲を喚起し自立の助長を図ることを目的としています。

きそこうじょがく しょうにゅうがく か かわります。くわしくは次ページをご確認ください。

けいさん れい つぎ
 計算の例は次のとおりとなります。ご不明な点があれば担当のケースワーカーへお問い合わせ
 わせください。

たんしん さい がつ から がつ までの ばあい
 (単身40歳 4月から10月までの場合)

せいかつふじょひ じゅうたくふじょひ ごうけい
 生活扶助費 住宅扶助費 合計

$$71,460\text{円} + 41,000\text{円} = 112,460\text{円}①$$

しょうにゅうがく きそこうじょがく しょうにゅうにんていが
 収入額 基礎控除額 収入認定額

$$50,000\text{円} - 18,400\text{円} = 31,600\text{円}②$$

せいかつほごひしきゅうがく しょうにゅうがく てもと のに きんがく
 生活保護費支給額 収入額 手元に残る金額

$$① - ② = 80,860\text{円} + 50,000\text{円} = 130,860\text{円}$$

Số tiền khấu trừ cơ bản

※Nếu bạn có điểm nào chưa rõ về cách đọc bảng, cách tính hoặc cách xác nhận thu nhập v.v, vui lòng liên hệ với cán bộ xã hội chuyên trách phụ trách của bạn.

Thu nhập	Người thứ 1	Từ người thứ 2 trở đi
0 ~15.000	0~15.000	0~15.000
15.001 ~15.199	15.001~15.199	15.000
15.200 ~18.999	15.200	15.000
19.000 ~22.999	15.600	15.000
23.000 ~26.999	16.000	15.000
27.000 ~30.999	16.400	15.000
31.000 ~34.999	16.800	15.000
35000 ~38.999	17.200	15.000
39.000 ~42.999	17.600	15.000
43.000 ~46.999	18.000	15.300
47.000 ~50.999	18.400	15.640
51.000 ~54.999	18.800	15.980
55.000 ~58.999	19.200	16.320
59.000 ~62.999	19.600	16.660
63.000 ~66.999	20.000	17.000
67.000 ~70.999	20.400	17.340
71.000 ~74.999	20.800	17.680
75.000 ~78.999	21.200	18.020
79.000 ~82.999	21.600	18.360
83.000 ~86.999	22.000	18.700
87.000 ~90.999	22.400	19.040
91.000 ~94.999	22.800	19.380
95.000 ~98.999	23.200	19.720
99.000 ~102.999	23.600	20.060
103.000 ~106.999	24.000	20.400
107.000 ~110.999	24.400	20.740
111.000 ~114.999	24.800	21.080
115.000 ~118.999	25.200	21.420
119.000 ~122.999	25.600	21.760
123.000 ~126.999	26.000	22.100
127.000 ~130.999	26.400	22.440
131.000 ~134.999	26.800	22.780
135.000 ~138.999	27.200	23.120
139.000 ~142.999	27.600	23.460
143.000 ~146.999	28.000	23.800
147.000 ~150.999	28.400	24.140
151.000 ~154.999	28.800	24.480
155.000 ~158.999	29.200	24.820
159.000 ~162.999	29.600	25.160
163.000 ~166.999	30.000	25.500
167.000 ~170.999	30.400	25.840
171.000 ~174.999	30.800	26.180
175.000 ~178.999	31.200	26.520
179.000 ~182.999	31.600	26.860
183.000 ~186.999	32.000	27.200
187.000 ~190.999	32.400	27.540
191.000 ~194.999	32.800	27.880
195.000 ~198.999	33.200	28.220
199.000 ~202.999	33.600	28.560
203.000 ~206.999	34.000	28.900
207.000 ~210.999	34.400	29.240
211.000 ~214.999	34.800	29.580
215.000 ~218.999	35.200	29.920
219.000 ~222.999	35.600	30.260
223.000 ~226.999	36.000	30.600
227.000 ~230.999	36.400	30.940
231.000		

Đối với mỗi 4.000 JPY thu nhập tăng lên, sẽ được tính thêm 400 JPY, người thứ 2 sẽ được tính thêm 340 JPY

基礎控除額

※ 表の見方、計算の仕方、収入認定方法等ご不明なことがあれば担当ケースワーカーへご連絡ください。

収入額	1人目	2人目以降
0 ~ 15,000	0 ~ 15,000	0 ~ 15,000
15,001 ~ 15,199	15,001 ~ 15,199	15,000
15,200 ~ 18,999	15,200	15,000
19,000 ~ 22,999	15,600	15,000
23,000 ~ 26,999	16,000	15,000
27,000 ~ 30,999	16,400	15,000
31,000 ~ 34,999	16,800	15,000
35,000 ~ 38,999	17,200	15,000
39,000 ~ 42,999	17,600	15,000
43,000 ~ 46,999	18,000	15,300
47,000 ~ 50,999	18,400	15,640
51,000 ~ 54,999	18,800	15,980
55,000 ~ 58,999	19,200	16,320
59,000 ~ 62,999	19,600	16,660
63,000 ~ 66,999	20,000	17,000
67,000 ~ 70,999	20,400	17,340
71,000 ~ 74,999	20,800	17,680
75,000 ~ 78,999	21,200	18,020
79,000 ~ 82,999	21,600	18,360
83,000 ~ 86,999	22,000	18,700
87,000 ~ 90,999	22,400	19,040
91,000 ~ 94,999	22,800	19,380
95,000 ~ 98,999	23,200	19,720
99,000 ~ 102,999	23,600	20,060
103,000 ~ 106,999	24,000	20,400
107,000 ~ 110,999	24,400	20,740
111,000 ~ 114,999	24,800	21,080
115,000 ~ 118,999	25,200	21,420
119,000 ~ 122,999	25,600	21,760
123,000 ~ 126,999	26,000	22,100
127,000 ~ 130,999	26,400	22,440
131,000 ~ 134,999	26,800	22,780
135,000 ~ 138,999	27,200	23,120
139,000 ~ 142,999	27,600	23,460
143,000 ~ 146,999	28,000	23,800
147,000 ~ 150,999	28,400	24,140
151,000 ~ 154,999	28,800	24,480
155,000 ~ 158,999	29,200	24,820
159,000 ~ 162,999	29,600	25,160
163,000 ~ 166,999	30,000	25,500
167,000 ~ 170,999	30,400	25,840
171,000 ~ 174,999	30,800	26,180
175,000 ~ 178,999	31,200	26,520
179,000 ~ 182,999	31,600	26,860
183,000 ~ 186,999	32,000	27,200
187,000 ~ 190,999	32,400	27,540
191,000 ~ 194,999	32,800	27,880
195,000 ~ 198,999	33,200	28,220
199,000 ~ 202,999	33,600	28,560
203,000 ~ 206,999	34,000	28,900
207,000 ~ 210,999	34,400	29,240
211,000 ~ 214,999	34,800	29,580
215,000 ~ 218,999	35,200	29,920
219,000 ~ 222,999	35,600	30,260
223,000 ~ 226,999	36,000	30,600
227,000 ~ 230,999	36,400	30,940
231,000	収入金額が4,000円増加するごとに400円、2人目340円加算	

Sửa đổi vào tháng 6 năm 2023

R5年6月 ねん がつ かいせい 改正